



	23	a3.1											
	24							c3.1					

Dạng thức 2	Câu	NĂNG LỰC CÔNG NGHỆ											
		Nhận thức			Giao tiếp			Sử dụng			Đánh giá		
		Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy		
		Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
Giới thiệu chung về chăn nuôi	1		a3.2										
			a3.2										
			a3.2										
											c3.3		
Công nghệ giống vật nuôi	2	a3.1											
		a3.1											
									c3.2				
										c3.3			
Công nghệ thức ăn chăn nuôi	3		a3.2										
		a3.1											
								c3.1					
			a3.2										
	4	a3.1											
		a3.1											
									c3.1				
										c3.3			

## ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

### Môn thi: CÔNG NGHỆ 11

*Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề*

#### **PHẦN 1 (6 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**

**Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**

**Câu 1 :** Các phương thức chăn nuôi chủ yếu ở nước ta là

- A. chăn thả, chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi bán công nghiệp.
- B. chăn nuôi nông hộ, nuôi nhốt, bán chăn thả.
- C. chăn thả, chăn nuôi truyền thống, bán chăn thả.
- D. chăn thả, nuôi nhốt, chăn nuôi truyền thống.

**Câu 2 :** Những tiêu chí cơ bản để đánh giá chọn giống vật nuôi là

- A. ngoại hình, khả năng sinh trưởng và phát dục, năng suất và chất lượng sản phẩm.
- B. ngoại hình, thể chất, khả năng sinh trưởng và phát dục, năng suất và chất lượng sản phẩm.
- C. ngoại hình, thể chất, khả năng sinh sản, năng suất và chất lượng sản phẩm.
- D. ngoại hình, trọng lượng, khả năng sinh trưởng và phát dục, năng suất và chất lượng sản phẩm.

**Câu 3 :** Phương pháp được sử dụng bảo quản thức ăn chăn nuôi gồm:

- A. bảo quản thức ăn bằng phương pháp phơi khô, sấy khô.
- B. bảo quản thức ăn trong nhà kho, kho silo, kho lạnh.
- C. bảo quản thức ăn bằng ứng dụng công nghệ cao.
- D. bảo quản thức ăn chăn nuôi trong kho, làm khô, ứng dụng công nghệ cao.

**Câu 4 :** Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi là

- A. mức ăn cần cung cấp cho vật nuôi trong một ngày.
- B. mức ăn cần cung cấp cho vật nuôi trong một ngày đêm.
- C. mức ăn cần cung cấp cho vật nuôi trong một tháng.
- D. mức ăn cần cung cấp cho vật nuôi trong hai ngày đêm.

**Câu 5 :** Chăn nuôi đóng góp như thế nào vào việc cung cấp thực phẩm cho con người?

- A. Chăn nuôi cung cấp thực phẩm từ động vật nuôi như thịt, sữa, trứng.
- B. Chăn nuôi không liên quan đến việc cung cấp thực phẩm.

- C. Chăn nuôi cung cấp thực phẩm từ nông sản như rau, hoa, quả.  
D. Chăn nuôi chỉ cung cấp thực phẩm từ động vật hoang dã.
- Câu 6 :** Khi ủ chua thức ăn cho vật nuôi cần lưu ý điều gì để bảo quản được trong thời gian dài?  
A. Để thức ăn tiếp xúc với không khí.  
B. Để thức ăn tiếp xúc với ánh sáng.  
C. Nhiệt độ bảo quản trên 30<sup>0</sup>C.  
D. Nén chặt thức ăn, che bằng bạt.
- Câu 7 :** Thứ tự các bước trong quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi bằng dây chuyền tự động là:  
A. nghiền, phối trộn → hấp chín và ép viên → phân loại, đóng bao → nhập nguyên liệu, làm sạch.  
B. nhập nguyên liệu, làm sạch → phân loại, đóng bao → nghiền, phối trộn → hấp chín và ép viên.  
C. nhập nguyên liệu, làm sạch → hấp chín và ép viên → phân loại, đóng bao → nghiền, phối trộn.  
D. nghiền nguyên liệu → phối trộn nguyên liệu → ép viên → sấy khô → đóng bao.
- Câu 8 :** Phát biểu nào dưới đây là **không** đúng về vai trò của chăn nuôi?  
A. Sản phẩm chăn nuôi là nguồn cung cấp lương thực chính cho con người.  
B. Sản phẩm chăn nuôi có giá trị dinh dưỡng cao, là nguồn cung cấp dinh dưỡng quan trọng cho con người.  
C. Chất thải vật nuôi là nguồn phân hữu cơ quan trọng, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm trồng trọt.  
D. Phát triển chăn nuôi góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.
- Câu 9 :** Ý nào sau đây **không** phải là mục đích của phương pháp nhân giống thuần chủng?  
A. Phát triển, khai thác ưu thế của các giống vật nuôi nội  
B. Bổ sung các tính trạng tốt có ở các giống khác nhau.  
C. Phát triển về số lượng đối với giống nhập nội và củng cố các đặc tính mong muốn đối với các giống mới gây thành.  
D. Bảo tồn các giống vật nuôi quý hiếm.
- Câu 10 :** Điều **không** phải ưu điểm của phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi bằng kho silo?  
A. sức chứa lớn, có thể tự động hóa.  
B. tiết kiệm diện tích, chi phí lao động.  
C. ngăn chặn phá hoại của động vật, vi sinh vật.  
D. thời gian bảo quản ngắn.
- Câu 11 :** Tác dụng của Vitamin là  
A. tái tạo mô.  
B. tổng hợp các chất sinh học.

- C. điều hoà các quá trình trao đổi chất trong cơ thể.      D. tăng hấp thu chất dinh dưỡng.
- Câu 12 :** Nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi là lượng chất dinh dưỡng cần cung cấp cho vật nuôi
- A. ăn trong vòng một ngày đêm      B. để duy trì sự sống và tạo ra sản phẩm.  
C. để duy trì sự sống.      D. để tạo ra sản phẩm.
- Câu 13 :** Ứng dụng công nghệ cao chế biến thức ăn chăn nuôi bao gồm
- A. phương pháp sử dụng vi sinh vật.      B. đường hóa, xử lý kiềm.  
C. phương pháp cắt ngắn, nấu chín, nghiền nhỏ.      D. chế biến nhờ công nghệ vi sinh, dây chuyền tự động.
- Câu 14 :** Nhóm thức ăn nào sau đây cung cấp nguyên liệu để tổng hợp protein đặc trưng cho cơ thể?
- A. Hạt ngũ cốc (thóc, ngô).      B. Bột vỏ tôm, vỏ cua.  
C. Các loại bột tôm, cá.      D. Các loại rau cỏ, lá cây.
- Câu 15 :** Nhân giống vật nuôi gồm các phương pháp:
- A. nhân giống thuần chủng và gây đột biến.      B. nhân giống thuần chủng và lai giống.  
C. lai giống và gây đột biến.      D. nhân giống thuần chủng và chọn lọc cá thể.
- Câu 16 :** Phương thức chăn thả tự do có ưu điểm gì?
- A. Mức đầu tư thấp, tận dụng thức ăn tự nhiên và phụ phẩm.  
B. Kiểm soát được dịch bệnh, năng suất và hiệu quả nuôi cao.  
C. Mức đầu tư thấp, năng suất và hiệu quả nuôi cao.  
D. Kiểm soát được dịch bệnh, tận dụng thức ăn tự nhiên và phụ phẩm.
- Câu 17 :** Nguyên liệu thường dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi gồm:
- A. phụ phẩm trồng trọt, thủy sản và các loại sản phẩm tương tự khác.  
B. thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột.  
C. thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng viên.  
D. các sản phẩm và phụ phẩm trồng trọt, thủy sản, công nghiệp chế biến, các sản phẩm tương tự khác.
- Câu 18 :** Nhóm vật nuôi nào sau đây được phân loại theo mục đích sử dụng?
- A. Vật nuôi lấy thịt, vật nuôi lấy trứng.      B. Vật nuôi ngoại nhập, vật nuôi bản địa.  
C. Vật nuôi đẻ con, vật nuôi đẻ trứng.      D. Vật nuôi trên cạn, vật nuôi dưới nước.
- Câu 19:** Chọn lọc bằng chỉ thị phân tử rút ngắn thời gian chọn lọc, giảm chi phí và công lao động vì đây là phương pháp chọn lọc
- A. cá thể dựa trên các gen quy định hoặc có liên quan đến 1 tính trạng mong muốn nào đó.

- B. dựa trên đoạn DNA ngắn có liên kết chặt với gen qui định 1 tính trạng nào đó.
- C. dựa vào phả hệ để xem xét các đời tổ tiên.
- D. các cá thể dựa trên các đoạn mã ARN có liên quan đến 1 tính trạng mong muốn nào đó.

**Câu 20 :** Tại sao yêu cầu đạo đức nghề nghiệp là một yếu tố quan trọng trong ngành chăn nuôi?

- A. Đạo đức nghề nghiệp đảm bảo người lao động có ý thức bảo vệ môi trường và chăm sóc động vật.
- B. Đạo đức nghề nghiệp thể hiện khả năng vận hành thiết bị công nghệ cao trong chăn nuôi.
- C. Đạo đức nghề nghiệp giúp người lao động có kiến thức về chăn nuôi và kinh tế.
- D. Đạo đức nghề nghiệp làm cho người lao động chăm chỉ, cần cù trong công việc chăn nuôi.

**Câu 21 :** Việc chọn giống vật nuôi phù hợp là rất quan trọng để đảm bảo hiệu quả chăn nuôi và đáp ứng nhu cầu của người nuôi. Khi lựa chọn giống vật nuôi, cần xem xét nhiều yếu tố như khí hậu địa phương, mục đích nuôi (sản xuất thịt, sữa, trứng, hay làm thú cưng), và đặc điểm của giống vật nuôi.

Trong các giống gà sau đây, giống nào nổi bật với khả năng sản xuất trứng cao và thích ứng tốt với môi trường công nghiệp?

- A. Gà Lương Phượng
- B. Gà Đông Tảo
- C. Gà Ri
- D. Gà Isa Brown

**Câu 22 :** Gia đình bạn A vừa mới mua một khu đất rộng lớn ở một khu vực nông thôn với khí hậu nhiệt đới và điều kiện đất đai đa dạng. Bạn A và gia đình quyết định bắt đầu một trang trại nhỏ để chăn nuôi bò lấy thịt nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao cho gia đình. Vậy giống bò nào là sự lựa chọn hợp lý nhất?

- A. Bò Ayrshire
- B. Bò Charolais
- C. Bò Móng Cái
- D. Bò Hereford

**Câu 23:** Bạn đang quản lý một trang trại chăn nuôi gia súc và cần bảo quản thức ăn hạt khô (như ngô, đậu nành). Để giữ cho thức ăn không bị ẩm ướt và hư hỏng, phương pháp nào dưới đây là phù hợp nhất?

- A. Lưu trữ trong kho có hệ thống thông gió tốt
- B. Bảo quản trong túi nhựa kín
- C. Đặt thức ăn dưới ánh nắng trực tiếp
- D. Sử dụng bồn chứa có lót đáy bằng gỗ

**Câu 24:** Gia đình ông Minh mới mua một khu đất rộng 5000 m<sup>2</sup> ở vùng nông thôn để bắt đầu chăn nuôi heo với mục đích cung cấp thực phẩm cho gia đình và có thể bán thêm ra thị trường địa phương. Nếu ông Minh tận dụng nguồn thức ăn phong phú của địa phương và muốn giảm chi phí thức ăn cho heo, thì ông ấy nên chọn phương pháp nào?

- A. Chăn nuôi heo nhốt toàn bộ

- B. Chăn nuôi heo thả rông
- C. Chăn nuôi heo bằng phương pháp kết hợp
- D. Chăn nuôi heo với thức ăn tự chế

**Phần II (4 điểm). Câu trắc nghiệm đúng sai**

**Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1 (1 điểm):** Trong buổi thảo luận của nhóm học sinh về chăn nuôi, có một số ý kiến được đưa ra như sau:

- A. Chăn nuôi là hoạt động sản xuất tạo ra các sản phẩm như thịt, sữa, trứng nhằm phục vụ nhu cầu dinh dưỡng của con người.
- B. Một trong những yếu tố quan trọng trong chăn nuôi là việc chọn giống tốt để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.
- C. Phát triển ngành chăn nuôi không góp phần vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp.
- D. Nếu muốn nâng cao năng suất chăn nuôi, người nông dân cần áp dụng khoa học kỹ thuật như công nghệ chuồng trại hiện đại và sử dụng thức ăn chất lượng cao.

**Câu 2 (1 điểm):** Gia đình chị Phạm Thị Tuyền ở thôn 13, xã Đăk Ruông, huyện Kon Rẫy đã mạnh dạn xây dựng mô hình chăn nuôi heo có quy mô 300 con lợn nái và 12 con đực. Em hãy cho biết mỗi phát biểu sau là đúng hay sai?

- A. Với mục đích cải thiện năng suất sinh sản của đàn lợn nái (tăng số con đẻ ra), chị Tuyền có thể sử dụng phương pháp chọn lọc hàng loạt hoặc chọn lọc cá thể.
- B. Các bước cơ bản trong phương pháp chọn lọc hàng loạt là: Xác định chỉ tiêu chọn lọc (khả năng sinh sản, ngoại hình...) → Chọn các cá thể → Đánh giá đời sau.
- C. Để tạo giống có năng suất ổn định, sử dụng trong thời gian dài nên dùng phương pháp chọn lọc hàng loạt.
- D. Khi sử dụng phương pháp chọn lọc cá thể cần phải chọn các cá thể sinh trưởng nhanh nhất, có trọng lượng lớn nhất để làm giống.

**Câu 3 (1 điểm):** Cho các thông tin về tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn của mỗi lợn thịt giai đoạn 60 – 90 kg như sau: 7000Kcal; 224g protein; 1,7 kg gạo; 0,3 kg khô lạc; 16 g calcium; 2,8 kg rau xanh; 13 g phosphorus; 40g muối ăn; 54g bột vỏ sò. Từ những thông tin đã cho, em hãy cho biết mỗi phát biểu sau là đúng hay sai?

- A. Tiêu chuẩn ăn của mỗi lợn thịt ở giai đoạn 60-90kg là: 7000 Kcal; 224g protein; 16g calcium; 13g phosphotus.
- B. Để đảm bảo tiêu chuẩn ăn trên, người ta lập khẩu phần ăn của mỗi lợn thịt gồm 1,7kg gạo; 0,3kg khô lạc; 2,8kg rau xanh; 40g muối ăn; 54g bột vỏ sò.
- C. Có thể sử dụng tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn này để nuôi lợn nái giai đoạn hậu bị.
- D. Bác Khoa thay thế 1,7kg gạo bằng 1,7kg ngô để cho lợn ăn.

**Câu 4(1 điểm):** Nhà bác An có trồng cỏ voi để nuôi bò sữa. Em hãy cho biết mỗi phát biểu sau là đúng hay sai?

**A.** Một trong những phương pháp được ứng dụng trong chế biến cỏ voi làm thức ăn cho bò nhằm làm tăng giá trị dinh dưỡng trong cỏ voi là phương pháp ủ chua.

**B.** Các bước cơ bản của phương pháp ủ chua là: lựa chọn nguyên liệu → phơi héo, cắt ngắn → ủ → đánh giá chất lượng, sử dụng.

**C.** Ngoài cách ủ chua, Bác An có thể cắt ngắn cỏ voi sử dụng cho bò ăn hàng ngày.

**D.** Để đảm bảo chất lượng cỏ voi ủ chua và bảo quản trong thời gian dài cần nén chặt và phủ bạt.

### ĐÁP ÁN

#### Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	<b>A</b>	<b>B</b>	<b>D</b>	<b>B</b>	<b>A</b>	<b>D</b>	<b>D</b>	<b>A</b>	<b>B</b>	<b>D</b>	<b>C</b>	<b>B</b>
Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Đáp án	<b>D</b>	<b>C</b>	<b>B</b>	<b>A</b>	<b>D</b>	<b>A</b>	<b>B</b>	<b>A</b>	<b>D</b>	<b>C</b>	<b>A</b>	<b>D</b>

#### Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a) Đ	a) Đ	a) Đ	a) Đ
b) Đ	b) Đ	b) Đ	b) Đ
c) S	c) S	c) Đ	c) S
d) Đ	d) S	d) Đ	d) S